

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ M
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số:08/2020/KDTM-ST
Ngày: 31-12-2020
V/v tranh chấp “ Hợp đồng tín
dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ M, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Cao Thị Trúc Linh.**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Văn Long.**

2. Bà **Lê Thị Thu Yến.**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Trọng** – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân Thành phố M.

Trong ngày 31 tháng 12 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố M, Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 253/2020/TLST-DS ngày 07 tháng 10 năm 2020 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 130/2020/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 11 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 121/2020/QĐST-DS ngày 11 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

** Nguyên đơn:* Ngân hàng thương mại cổ phần B.

Địa chỉ: Tòa nhà HM Town 412 Nguyễn Thị Minh Khai, phường 5, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện theo pháp luật : ông Ngô Quang Trung – Tổng giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền : ông Phan Thanh Hải – Phó giám đốc Trung tâm quản lý và thu hồi nợ.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: bà Nguyễn Ngọc T.

Địa chỉ: số 143 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường 4, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

(Giấy ủy quyền số 272/2020/UQ-TTQL&HN ngày 15 tháng 7 năm 2020)

** Bị đơn:*

- Bà Đoàn Thị Phi Y sinh năm 1978.

Địa chỉ: số 171 ấp Mỹ An, xã M1, thành phố M, tỉnh Tiền Giang

- Ông Võ Trần Hoài N sinh năm 1972.

Địa chỉ: số 171 ấp Mỹ An, xã M1, thành phố M, tỉnh Tiền Giang

(Bà Ngân có mặt; bà Yến và ông Nhân vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 15/7/2020, và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 17/01/2019 Ngân hàng thương mại cổ phần B có ký với bà Đoàn Thị Phi Y và ông Võ Trần Hoài N hợp đồng tín dụng số 0311900007700 ngày 17/01/2019. Theo hợp đồng bà Y và ông N đã vay của ngân hàng số tiền 200.000.000 đồng, thời hạn vay 48 tháng, với mục đích vay bổ sung vốn kinh doanh. Mức lãi suất theo hợp đồng là 15%/ năm, với phương thức trả vào ngày 18 định kỳ 01tháng/ lần, trả nợ gốc vào ngày 18 kỳ 01 tháng/ lần với số tiền 4.166.666 đồng/ tháng. Kỳ trả nợ đầu tiên vào ngày 18/02/2019, kỳ trả nợ gốc cuối cùng vào ngày đến hạn nợ cuối cùng với số tiền 4.166.698 đồng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, phía bà Y và ông N đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán vốn và lãi, nên ngân hàng đã chuyển toàn bộ số nợ vay sang nợ quá hạn. Tạm tính đến ngày 06/07/2020 bà Yến và ông Nhân còn nợ ngân hàng các khoản tiền sau:

- Vốn vay 200.000.000 đồng
- Vốn đã trả 20.843.226 đồng
- Lãi trong hạn 31.643.835 đồng
- Lãi quá hạn: 5.738.418 đồng
- Phạt chậm lãi: 1.538.833 đồng

Ngân hàng đã nhiều lần liên hệ yêu cầu bà Y và ông N trả nợ nhưng bà Y và ông N đã nhiều lần lẩn tránh, không thực hiện. Do đó, nay ngân hàng khởi kiện, yêu cầu bà Đoàn Thị Phi Y và ông Võ Trần Hoài N phải có nghĩa vụ thanh toán cho ngân hàng số tiền vốn gốc là 179.156.774 đồng và tiền lãi tạm tính đến ngày 18/11/2020 là 53.434.807 đồng (Trong đó, lãi trong hạn: 42.739.725 đồng; lãi phạt chậm trả lãi: 2.865.025 đồng; lãi phạt chậm trả vốn: 10.692.217 đồng). Ngoài ra bà Y và ông N còn phải trả thêm các khoản tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng đã ký đến khi trả hết nợ cho ngân hàng.

Bị đơn bà Đoàn Thị Phi Y và ông Võ Trần Hoài N đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bà Y và ông N không đến Tòa án và cũng không gửi bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc T là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]- Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn khởi kiện bị đơn yêu cầu thanh toán khoản nợ theo Hợp đồng tín dụng, xác định đây là vụ án dân sự về tranh chấp “Hợp đồng tín dụng”. Đồng thời, bị đơn đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh

doanh hộ kinh doanh và ký kết hợp đồng với mục đích bổ sung vốn kinh doanh nên căn cứ Điều 30 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 Hội đồng xét xử có cơ sở chuyển vụ án này từ tranh chấp dân sự thành tranh chấp kinh doanh thương mại. Bị đơn bà Đoàn Thị Phi Y và ông Võ Trần Hoài N cư trú tại xã M1, thành phố M. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố M theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]- Về sự vắng mặt của các đương sự: Bị đơn, bà Đoàn Thị Phi Y và ông Võ Trần Hoài N không có đơn xin xét xử vắng mặt, và đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Do đó, căn cứ vào Điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà Y và ông N.

[3]- Về nội dung yêu cầu của nguyên đơn: hợp đồng tín dụng số 0311900007700 ngày 17/01/2019 giữa Ngân hàng TMCP B với bà Đoàn Thị Phi Y và ông Võ Trần Hoài N được xác lập trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận giữa các bên, hình thức và nội dung của hợp đồng không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội và phù hợp với quy định của pháp luật nên là hợp đồng hợp pháp. Bà Y và ông N đã nhận tiền giải ngân từ ngân hàng và cũng đã thực hiện một phần nghĩa vụ trả nợ cho phía ngân hàng tính đến ngày 18/7/2019 với số tiền vốn là 20.843.226 đồng và tiền lãi là 12.843.226 đồng. Theo hợp đồng tín dụng được hai bên ký kết, bên vay có nghĩa vụ trả nợ theo phương thức góp đều vốn, lãi hàng ngày cho bên cho vay, tuy nhiên phía ông N và bà Y đã không thực hiện đúng thỏa thuận, ngân hàng cũng đã nhiều lần thông báo cho ông N và bà Y về việc thu hồi nợ trước hạn nhưng vẫn không thực hiện nên đã vi phạm hợp đồng, làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bên cho vay. Do đó, ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông N và bà Y trả số tiền nợ vốn là 179.156.774 đồng và tiền lãi là 62.257.153 đồng (Trong đó lãi trong hạn chưa thanh toán là 46.273.971 đồng, lãi phạt chậm lãi là 3.377.697 đồng và lãi phạt chậm vốn là 12.605.485 đồng) là có căn cứ. Ông N và bà Y đã được Tòa án triệu tập nhiều lần tham gia hòa giải và công khai chứng cứ cũng như tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do, không chứng minh đã trả cho ngân hàng bao nhiêu tiền là tự từ bỏ nghĩa vụ chứng minh của mình. Do đó, căn cứ vào mức lãi suất hai bên thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng nêu trên thì số tiền mà phía ngân hàng yêu cầu ông N và bà Y phải trả là phù hợp với quy định tại các Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 nên có căn cứ chấp nhận.

[4]- Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn có yêu cầu ông N và bà Y phải tiếp tục chịu lãi suất phát sinh theo hợp đồng tín dụng số 0311900007700 ngày 17/01/2019, từ ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi ông N và bà Y thanh toán xong các khoản nợ với Ngân hàng. Căn cứ vào Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/8/2016 và công bố theo Quyết định số 698/QĐCA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Hội đồng xét xử xét thấy, hợp đồng tín dụng có thỏa thuận mức lãi suất cho vay trong hạn, lãi suất nợ quá hạn. Do các bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán như đã phân tích trên nên kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm bà Y, ông N còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất

mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

[5]- Từ các căn cứ và viện dẫn trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần B là có cơ sở và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6]- **Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:** Do yêu cầu của Ngân hàng thương mại cổ phần B được chấp nhận nên các bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 điều 91, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Căn cứ Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/8/2016 và công bố theo Quyết định số 698/QĐCA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao ;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần B.

Buộc bà Đoàn Thị Phi Y và ông Võ Trần Hoài N có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần B số tiền còn nợ cả gốc lẫn lãi là 241.413.927 (Hai trăm bốn mươi một triệu bốn trăm mười ba ngàn chín trăm hai mươi bảy) đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ông N và bà Y còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 0311900007700 ký ngày 17/01/2019 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

2.1. Bà Đoàn Thị Phi Y và ông Võ Trần Hoài N phải chịu 12.071.000 (Mười hai triệu không trăm bảy mươi một ngàn) đồng án phí kinh doanh thương

mại sơ thẩm đối với yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận.

2.2. Hoàn lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần B số tiền tạm ứng án phí đã nộp là: 5.451.946 (Năm triệu bốn trăm năm mươi một ngàn chín trăm bốn mươi sáu đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002104 ngày 07/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố M.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.
- VKS nhân dân TP Mỹ Tho.
- Cơ quan Thi hành án dân sự TP Mỹ Tho.
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ, án văn.

Cao Thị Trúc Linh